

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Thương.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 5, khu 1, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Hồng S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 5, khu 1, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Vũ Thị T và anh Phùng Hồng S kết hôn tự nguyện với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị T và anh S về chung sống cùng nhau tại tổ 5, khu 1, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh S. Trong quá trình chung sống, chị T và anh S có 03 con chung là Phùng Hiếu T, sinh ngày 20/11/1997 (đã trưởng thành); Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012. Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: Chị T và anh S cùng trình bày không vay nợ chung.

Quan điểm của nguyên đơn chị Vũ Thị T: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình nên năm 2014 chị T phải đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà

dẫn đến vợ chồng có nhiều quan điểm sống không hòa thuận, cuộc sống vợ chồng căng thẳng nặng nề gây nên nhiều áp lực trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, chị đề nghị được ly hôn với anh S. Cùng với yêu cầu ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012. Nếu anh S cương quyết muốn nuôi con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012, anh S nuôi cháu Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003. Vì cháu N còn nhỏ lại là con gái, hiện đang ở với chị T. Cháu Đ hiện đang học ở Ưông Bí còn cháu N chưa đi học nên theo chị T đi sinh sống ở nơi ở mới cũng không ảnh hưởng đến việc học của cháu N. Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Quan điểm của bị đơn anh Phùng Hồng S: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2014 chị T tự ý bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: anh S có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012. Nếu không được nuôi cả 02 con thì anh S đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012. Vì theo anh S, anh S có nhà ở ổn định, hiện tại làm công việc sửa xe máy ở nhà nên có đủ điều kiện nuôi con. Anh S không đồng ý để chị T nuôi cháu N vì anh S cho rằng chị T có ý định sẽ cho cháu N sang Trung Quốc sinh sống. Nếu được trực tiếp nuôi cháu N anh S cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 03/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Trần Văn L là Phó khu 1, phường B, TP Ưông Bí cung cấp sự việc: Anh Phùng Hồng S và chị Vũ Thị T cư trú tại tổ 5, khu 1, phường A, thành phố B. Trong quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T thường xuyên đi làm ăn xa. Khoảng đến năm 2015, 2016 chị T về địa phương và đón cháu Phùng Minh N đi cùng. Bản thân ông L là phó khu 1 cũng là hàng xóm gần kề với chị T, anh S ông L mong muốn Tòa án hòa giải để chị T, anh S về chung sống với nhau. Nếu không được ông L đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Cả

nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tuyết theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: đề nghị HĐXX giao cháu N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đ cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị T khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Phùng Hồng S và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Phùng Hồng S có nơi cư trú tại tổ 5, khu 1, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Phùng Hồng S từ năm 1997 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. HĐXX xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn do chị T đi làm ăn xa, không có thời gian quan tâm đến gia đình, vợ chồng có nhiều quan điểm sống không hòa thuận nên chị T, anh S sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị T đề nghị ly hôn và anh S cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh S có 03 con chung là Phùng Hiếu Tr, sinh ngày 20/11/1997 (đã trưởng thành); Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012. Cả chị T và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu không được nuôi cả 02 con chung thì cả chị T và anh S đều có nguyện vọng nuôi cháu Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012.

Xét yêu cầu của chị T và anh S thì thấy: Chị T và anh S có 02 con chung Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003; Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012 chưa đến tuổi thành niên. Chị T và anh S đều có điều kiện kinh tế ổn định. Từ thời điểm sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay cháu Phùng Minh Đ vẫn ở với bố tại phường A, TP B còn cháu Phùng Minh N theo mẹ sinh sống ở nơi khác. Xét thấy, cháu N còn nhỏ, lại là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Nên HĐXX xem xét giao con chung Phùng Minh Đ cho anh Phùng Hồng S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Phùng Minh N cho chị Vũ

Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

Tuyên xử:

1. Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phùng Hồng S.

2. Về con chung:

Giao con chung Phùng Minh Đ, sinh ngày 16/02/2003 cho anh Phùng Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao con chung Phùng Minh N, sinh ngày 20/6/2012 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phùng Hồng S, chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nếu có yêu cầu, theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000225 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23 tháng 4 năm 2018.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Quang Định Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thanh Hải

